

Kinh doanh trong các nghề quy chế

...phải qua các kỳ thi kiến thức chuyên môn, tham gia các khóa học hoặc phải trình lên các giấy chứng nhận. Ở đây chưa bao gồm các nghề thủ công mỹ nghệ với chứng chỉ cao cấp nghề quy chế.

Buôn bán con vẹt đuôi dài và con vật có xương sống
(Handel mit Sittichen und Wirbeltieren)

Buôn bán vũ khí, đạn dược, chất nổ và chất độc
(Handel mit Waffen, Munition, Sprengstoff und Giften)

Buôn bán vũ khí (Waffenhandel)

Các tiệm cầm đồ (Pfandhäuser)

Cửa hàng ăn uống (khóa học ngành ăn uống, kể cả nhượng quyền) (Schank- und Speisewirtschaften
(Gaststättenunterrichtung, teilweise auch Konzession))

Cửa hàng bán lẻ các loại thuốc tự do (Einzelhandel mit freiverkäuflichen Arzneimitteln)

Chế biến dược phẩm (Herstellung von Arzneimitteln)

Dịch vụ cho thuê xe và taxi (Taxi- und Mietwagenverkehr)

Dịch vụ xe bus (Omnibusverkehr)

Doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa đường bộ
(Güterkraftverkehrs-Unternehmen)

Giám thị xây dựng/Nhà thầu xây dựng
(Baubetreuer/Bauträger)

Hội trường cờ bạc (Spielhallen)

Khóa học ngành ăn uống (Gaststättenunterrichtung)

Ngành bảo vệ an ninh (Bewachungsgewerbe)

Người đấu thầu (Versteigerer)

Người môi giới bất động sản (Makler)

Người môi giới đầu tư (Finanzanlagenvermittler)

Người môi giới và cố vấn viên bảo hiểm
(Versicherungsvermittler und –berater)

Sản xuất vũ khí (Herstellung von Waffen)

Tài xế lái xe (Berufskraftfahrer)

Tài xế lái xe hàng hóa nguy hiểm, ủy viên hàng hóa
nguy hiểm (Gefahrgutfahrer, Gefahrgutbeauftragter)

Văn phòng thu nợ (Inkassogeschäfte)

Vận chuyển cứu thương (Krankentransport)

Vận chuyển hàng hóa đường bộ (Güterkraftverkehr)